TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AYUN PA
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-6-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUN PA - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Công
2. Bà Phan Thị Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Liên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã AyunPa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay Ha - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 02 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn H. C. A, sinh năm 1978
Bị đơn: Chị Nguyễn T. A. T. B, sinh năm 1981
Cùng địa chỉ: Buôn H, xã C B, thị xã A P, tỉnh G.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/02/2022, bản tự khai lập ngày 09/02/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn H. C. A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn T. A. T. B tự nguyện kết hôn năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C P N, huyện P T, tỉnh G. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn. Chị B nhiều lần xúc phạm anh và mẹ ruột của anh trước mặt con cái. Sự việc xảy ra trong thời gian dài, dù anh đã cố gắng nhưng vẫn không làm chị B thay đổi dẫn đến vợ chồng ngày càng mâu thuẫn sâu sắc hơn. Hiện anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

Về con chung: Vợ chồng sinh được 03 con chung là Nguyễn H L sinh ngày 24/5/2009, Nguyễn M T sinh ngày 20/7/2012 và Nguyễn H H sinh ngày 17/8/2014. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ tài sản của ai và cũng không ai nợ tài sản của vợ chồng.

Đối với bị đơn chị Nguyễn T. A. T. B: Chị B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và nhiều văn bản tố tụng khác nhưng đều vắng mặt tại các phiên hòa giải và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong việc giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn H. C. A ly hôn với chị Nguyễn T. A. T. B.

Về con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn H L sinh ngày 24/5/2009, Nguyễn M T sinh ngày 20/7/2012 và Nguyễn H H sinh ngày 17/8/2014 cho anh A trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Anh Nguyễn H. C. A phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

XÉT THẤY:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Anh Nguyễn H. C. A yêu cầu Tòa giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung giữa anh và chị Nguyễn T. A. T. B. Đây là quan hệ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị B là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại B H, xã C B, thị xã A P, tỉnh G. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A P, tỉnh G có thẩm quyền giải quyết vụ án. Chị B là bị đơn trong vụ kiện, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt chị B tại phiên tòa theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa anh A và chị B là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hai người tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 17/01/2008 tại UBND xã C P N, huyện P T, tỉnh G. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Theo anh A khai thì có việc chị B nhiều lần xúc phạm anh và mẹ ruột của anh, thậm chí xúc phạm trước mặt con cái nên làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng thêm sâu sắc.

Khi giải quyết vụ án, chị B đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng chị B không hợp tác, không chấp hành việc triệu tập. Điều đó chứng tỏ chị B không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng, không có ý thức hàn gắn mâu thuẫn giữa vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy các con cho tốt. Tòa án tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của hai bên thì được biết vợ chồng anh A, chị B có xảy ra mâu thuẫn, to tiếng nhưng không bên nào báo cho Tổ hòa giải cơ sở biết nên không được hòa giải, giúp đỡ.

Xét thấy yêu cầu ly hôn của anh A là có căn cứ vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A, xử cho anh A ly hôn đối với chị B.

[3] Về việc nuôi con chung:

Anh A có nguyện vọng nuôi hết các con chung Nguyễn H L, Nguyễn M T, Nguyễn H H. Các con chung cũng đều muốn ở với cha nếu cha mẹ ly hôn. Xét nguyện vọng của anh A là chính đáng, xuất phát từ trách nhiệm đối với các con. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con chung, căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu này, giao cho anh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung Nguyễn H L sinh ngày 24/5/2009, Nguyễn M T sinh ngày 20/7/2012 và Nguyễn H H sinh ngày 17/8/2014. Anh A không yêu cầu nên chị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản: Anh A không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung. Hiện tại không có công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; khoản 2 Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn H. C. A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn H. C. A ly hôn với chị Nguyễn T. A. T. B

2. Về con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn H L sinh ngày 24/5/2009, Nguyễn M T sinh ngày 20/7/2012 và Nguyễn H H sinh ngày 17/8/2014 cho anh A trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Thời gian trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh A tính từ ngày hôm nay (23/6/2022) cho đến khi các con chung thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể áp giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Anh A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A P, tỉnh G , theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Toà án số 0010344 ngày 15/02/2022. Số tiền này được chuyển thành tiền án phí sung công quỹ.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/6/2022, anh A có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh G để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Chị B vắng mặt có quyền kháng cáo như trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a,7b và 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Ayun Pa;
- Chi cục THA DS thị xã Ayun Pa;
- Các đương sự;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Toàn